TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2024/HNGĐ-ST**
Ngày 09/7/2024
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : ông Hoàng Ngọc Hưng
Các Hội thẩm nhân dân: ông Vũ Xuân Dự
ông Trần Văn Nghi

- Thư ký phiên toà: ông Phạm Văn Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: ông Ninh Trọng Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 09/7/2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 86/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/5/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-DS ngày 20/6/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: chị Trần Thị Lan A, sinh năm 2000; nơi ĐKHKTT: xóm A, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Chỗ ở hiện nay: xóm A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình "có mặt".

- **Bị đơn**: anh Trần Kính Q, sinh năm 1997; nơi cư trú: xóm A, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2023, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Lan A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị (Trần Thị Lan A) và anh Trần Kính Q được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình vào ngày 07/7/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng gia đình nhà chồng. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, theo chị Lan A thì anh Q có mối quan hệ bất chính với người khác, chị có nhắc nhở nhưng anh Q vẫn không thay đổi, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và nhiều lần anh Q đánh chị thâm tím hết

người (chị Lan A có giao nộp một số hình ảnh bị anh Q đánh). Do không thể tiếp tục chung sống được cùng anh Q, nên chị Lan A lại về nhà bố mẹ đẻ tại xóm A, xã K để ở và vợ chồng sống ly thân nhau. Đến nay chị Lan A xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Kính Q để hai bên còn ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung: chị Lan A và anh Q có 01 con chung là cháu Trần Hạ V, sinh ngày 08/11/2021, hiện cháu đang ở cùng anh Q. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị Lan A đề nghị anh Q tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu V cho anh Q mỗi tháng là 2.000.000 đồng kể từ khi vợ chồng ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị Lan A xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và các tài liệu khác có trong hồ sơ bị đơn anh Trần Kính Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Q xác nhận phần trình bày về điều kiện kết hôn, thời gian, địa điểm kết hôn như chị Lan A trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, bản thân anh Q cũng xác nhận vợ chồng sống với nhau được một thời gian đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, việc chị Lan A cho rằng anh có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác là không đúng, đấy chỉ là mối quan hệ bạn bè xã hội. Anh Q cũng xác nhận anh có đánh, gây thương tích cho chị Lan A. Tuy nhiên, sau đó anh đã xin lỗi và vợ chồng chung sống bình thường. Nay chị Lan A xin ly hôn anh, anh mong chị Lan A suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái. Về việc khắc phục mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ đâu thì anh không biết, vì bản thân anh và gia đình đã tìm mọi cách để hàn gắn nhưng không được. Trường hợp chị Lan A vẫn quyết tâm xin ly hôn anh, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: anh Q xác nhận vợ chồng có 01 con chung như chị Lan A trình bày là đúng. Hiện nay cháu Trần Hạ V đang ở cùng gia đình nhà anh, trường hợp vợ chồng phải ly hôn thì anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại phiên hòa giải chị Lan A và anh Q thống nhất trường hợp vợ chồng ly hôn anh Q là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, còn việc chị Lan A có cấp dưỡng nuôi con hay không thì tùy chị Lan A, anh Q không yêu cầu.

- Về tài sản và nợ chung: anh Q xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ nào chung, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh của Tòa án, chính quyền địa phương xã C, huyện K cung cấp: anh Q, chị Lan A là người địa phương, hiện đang cư trú tại xóm A, xã C và anh Q, chị Lan A có đăng ký kết hôn vào tháng 7/2021 tại UBND xã C. Theo các thông tin địa phương được biết vợ chồng anh Q, chị Lan A có xảy ra mâu thuẫn do

bất đồng quan điểm, đã có lần xảy ra xô xát và một phần xuất phát từ phía anh Q. Hiện chị Lan A đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã K để ở từ tháng 4/2024. Về con chung: anh Q, chị Lan A có 01 con chung là cháu Trần Hạ V, sinh tháng 11/2021. Về thu nhập, thì anh Q và chị Lan A đều lao động tự do, nên địa phương không năm bắt được thu nhập như thế nào.

Tại biên bản làm việc, bà Trần Thị L - mẹ đẻ anh Q cung cấp: con trai bà là Trần Kính Q kết hôn với chị Trần Thị Lan A, sinh năm 2000 quê ở xã K, huyện K vào tháng 7/2021. Sau khi kết hôn chị Lan A đã chuyển khẩu về sinh sống cùng gia đình bà tại xóm A, xã C. Trong thời gian chung sống, anh Q và chị Lan A có xảy ra mâu thuẫn với nhau, tuy nhiên chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống, còn nguyên nhân sâu xa nữa thì bà L không biết. Thời gian gần đây, anh Q và chị Lan A lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, chị Lan A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm A, xã K, huyện K để ở. Về con chung: anh Q, chị Lan A có 01 con chung là cháu Trần Hạ V, sinh tháng 11/2021, trong thời gian ly thân thì có lúc cháu V ở cùng chị Lan A, có lúc cháu ở cùng gia đình bà tại xóm A, xã C và hiện tại cháu đang ở cùng gia đình bà L. Về kinh tế: cả anh Q và chị Lan A đều lao động tự do nên thu nhập thế nào bà L không biết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho chị Trần Thị Lan A ly hôn anh Trần Kính Q. Giao con chung là cháu Trần Hạ V, sinh ngày 08/11/2021 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị Lan A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q mỗi tháng là 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Lan A có quyền thăm nom con chung. Chị Lan A phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự về cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đây là quan hệ tranh chấp về "Hôn nhân và gia đình" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Trần Kính Q, sinh

năm 1997; nơi cư trú: xóm A, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vụ án được thụ lý theo thủ tục Hòa giải tại Tòa án theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án chuyển sang giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Lan A có đơn xin không tiến hành hòa giải lần 2, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án tiếp. Đối với bị đơn anh Trần Kính Q, Tòa án nhân dân huyện K đã tống đạt giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho anh Q. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 20/6/2024 anh Trần Kính Q là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 09/7/2024, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng anh Trần Kính Q vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Kính Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Lan A và anh Trần Kính Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/7/2021 tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng giữa chị Lan A và anh Q chung sống với nhau một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống và nghi ngờ mối quan hệ tình cảm vợ chồng và đã có lần xảy ra xô xát, hiện tại vợ chồng vẫn sống ly thân nhau. Quá trình hòa giải anh Q mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái, nhưng bản thân cả hai anh chị đều không đưa ra được biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong vụ án này theo các tài liệu chị Lan A cung cấp về việc bị anh Q đánh thâm tím hết cơ thể, cũng như tại bản tự khai và biên bản hòa giải anh Q thừa nhận đã đánh chị Lan A. Như vậy, anh Q đã có hành vi bạo lực gia đình dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để bảo vệ tính mạng, nhân phẩm, danh dự của người phụ nữ, mặc dù anh Q không đồng ý ly hôn. Cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị Lan A được ly hôn anh Trần Kính Q là phù hợp.

[3] Về con chung: chị Lan A, anh Q có 01 con chung là cháu Trần Hạ V, sinh ngày 08/11/2021. Hiện nay cháu đang do anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, quá trình giải quyết anh Q và chị Lan A thống nhất giao anh Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại phiên tòa chị Lan A vẫn giữ nguyên quan điểm để anh Q là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng ly hôn. Đây là sự thỏa thuận của các bên cần được tôn trọng. Do đó, cần giao anh Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Hạ V cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng, Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án anh Q không yêu cầu chị Lan A phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh; chị Lan A lại có nguyện vọng được cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của con chung khi cha mẹ ly hôn cần chấp nhận đề nghị của chị Lan A, ghi nhận sự tự nguyện của chị Lan A về việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q mỗi tháng là 2.000.000 đồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi là phù hợp với ý chí của chị Lan A và đúng với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và nợ chung: chị Lan A, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: chị Lan A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 và khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trần Thị Lan A và anh Trần Kính Q.

2. Về nuôi con chung: giao con chung là cháu Trần Hạ V, sinh ngày 08/11/2021 cho anh Trần Kính Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Lan A về việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q số tiền 2.000.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: chị Trần Thị Lan A phải nộp 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002190 ngày 03/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K; chị Trần Thị Lan A còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh NB;*
- *VKS huyện K;*
- *THADS huyện K;*
- *UBND xã C;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng